

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2019

V/v “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng- Ông Đặng Văn Đề

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 522/2018/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST-DS ngày 25/02/2019 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 2, ấp P, xã T, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2/Bị đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1984

Trú tại: Tổ 9, ấp P, xã T, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bà Y có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Trần Thị Y tại phiên tòa:

Bà Y và ông Nguyễn Trung H chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn số 28 ngày 11/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2014 thì có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, ông H đánh đập bà nên bà tự sống ly thân với ông H. Trong thời gian ly thân, không thể hàn gắn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà Y và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/9/2009; Nguyễn Thị N L, sinh ngày 02/01/2012. Do bà Y không

có chỗ ở ổn định nên giao hai con cho ông H nuôi dưỡng, bà Y cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y xác định không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Trung H vắng mặt, lời khai tại hồ sơ thể hiện như sau:

Ông H kết hôn với bà Y vào năm 2008. Trong thời gian sống chung không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên bà Y có quan hệ với người đàn ông khác nên bỏ ông H ra đi. Nay bà Y muốn ly hôn, ông cũng xác định không còn tình cảm với bà Y, nhưng do là người theo đạo Thiên Chúa nên ông H không ly hôn, Tòa cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung bà Y và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/9/2009; Nguyễn Thị N L, sinh ngày 02/01/2012. Ông H nuôi con từ nhỏ nên yêu cầu tiếp tục nuôi và đề nghị bà Y cấp dưỡng nuôi hai con 2.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán đã thụ lý vụ án và tiến hành các bước tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng: Bà Trần Thị Y khởi kiện ly hôn ông Nguyễn Trung H, ông H cư trú tại thành phố Bà Rịa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa. Ông H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Y thấy rằng: Bà Y và ông H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo bà Y trình bày nguyên nhân bà khởi kiện ly hôn là do ông H đánh đập bà nên bà mới bỏ đi từ năm 2014 và không hàn gắn được tình cảm. Ông H xác định bà Y bỏ nhà đi là do có quan hệ với người khác. Thực tế cả hai không cung cấp chứng cứ về lời khai báo của mình. Tuy nhiên cho đến nay giữa ông H và bà Y không còn tình cảm với nhau, không muốn đoàn tụ gia đình. Ông H không tự nguyện ly hôn bà Y là vì lý do tôn giáo, không phải vì còn thương yêu bà Y. Vì vậy thấy rằng cuộc sống hôn

nhân giữa ông bà không đạt được mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Y.

Về con chung giữa bà Y và ông H gồm có Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/9/2009; Nguyễn Thị N L, sinh ngày 02/01/2012, hiện đang sống cùng với ông H. Bà Y yêu cầu ông H nuôi con, ông H đồng ý nuôi con nhưng yêu cầu bà Y cấp dưỡng. Bà Y đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/cháu nên ghi nhận tự nguyện của bà Y.

Về án phí: Bà Y phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Y về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho bà Trần Thị Y ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Về con chung: Ông H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 19/9/2009; Nguyễn Thị N L, sinh ngày 02/01/2012 đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Y cấp dưỡng cho ông H nuôi con mỗi tháng mỗi con 1.000.000đ (một triệu đồng). Thực hiện từ ngày 11/4/2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Bà Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi quyền nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng bà Y phải nộp 450.000đ (bốn trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009718 ngày 20/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà Y còn phải nộp 150.000 đồng án phí.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b, 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/3/2019), đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh BR-VT;
- VKS ND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS TP. Bà Rịa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Hồng Nguyệt